

BẢNG CHI TRẢ LƯƠNG, HỌC PHÍ, ỒM ĐAU, THAI SẢN CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
THÁNG 12 NĂM 2017 QUA HỆ THỐNG THANH TOÁN THẺ ATM CỦA NHNO TỈNH HÀ GIANG

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
1	Hoàng Tiến Việt	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	12.472.850				0		0		10.000	12.462.850	
2	Vũ Hùng Vương	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	9.139.520				0		0		10.000	9.129.520	
3	Nguyễn Đức Dũng	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	8.278.075				0		0		10.000	8.268.075	
4	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	11.563.760				0		0		10.000	11.553.760	
5	Kim Thị Ngọc Lan	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	4.875.910				0		0		10.000	4.865.910	
6	Nguyễn Thị Viện	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	6.759.584				20.800		0		10.000	6.770.384	
7	Nguyễn Thị Ninh	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	5.730.010				569.400		0		10.000	6.289.410	
8	Phạm Thị Vân	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	6.669.520	300.000	2.400.000		0		0		10.000	9.359.520	
9	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	4.391.920				0		0		10.000	4.381.920	
10	Đinh Thị Lương Tâm	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	5.260.255				0		0		10.000	5.250.255	
11	Đặng Đức Cường	Phòng Điều dưỡng	8.932.820				0		0		10.000	8.922.820	
12	Hoàng Thị Hiền	Phòng Điều dưỡng	8.078.915	300.000	969.000		0		0		10.000	9.337.915	
13	Nguyễn Thị Hà A	Phòng Điều dưỡng	7.627.165				0		0		10.000	7.617.165	
14	Đỗ Thị Kim Thanh	Phòng Tài chính Kế toán	8.253.375				0		0		10.000	8.243.375	
15	Nguyễn Thị Doãn	Phòng Tài chính Kế toán	6.702.644	300.000			0		0		10.000	6.992.644	
16	Lê Thị Minh Thuý	Phòng Tài chính Kế toán	6.299.410				0		0		10.000	6.289.410	
17	Đào Thị Thanh	Phòng Tài chính Kế toán	6.014.710				0		0		10.000	6.004.710	
18	Phạm Thu Hằng	Phòng Tài chính Kế toán	5.160.610				0		0		10.000	5.150.610	
19	Bùi Thị Thu	Phòng Tài chính Kế toán	5.650.255				0		0		10.000	5.640.255	
20	Nguyễn Thị Thuý	Phòng Tài chính Kế toán	5.730.010				0		0		10.000	5.720.010	
21	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	Phòng Tài chính Kế toán	4.306.510		6.534.000		0		0		10.000	10.830.510	
22	Đỗ Hoàng Anh	Phòng Tài chính Kế toán	4.306.510				0		0		10.000	4.296.510	
23	Hoàng Thị Sura	Phòng Tài chính Kế toán	5.445.310				0		0		10.000	5.435.310	
24	Vũ Thị Huệ	Phòng Tài chính Kế toán	4.781.920				0		0		10.000	4.771.920	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
25	Nguyễn Thị Thu Linh	Phòng Tài chính Kế toán	4.320.745				0		0		10.000	4.310.745	
26	Nguyễn Văn Trung	Phòng Tài chính Kế toán	3.850.990				0		0		10.000	3.840.990	
27	Nguyễn Thu Trang	Phòng Tài chính Kế toán	0				0		0		0	0	
28	Vũ Thị Bảy	Phòng Tài chính Kế toán	6.934.031				0		0		10.000	6.924.031	
29	Nguyễn Thị Huế	Phòng Tài chính Kế toán	3.850.990				0		0		10.000	3.840.990	
30	Trần Thị Uyên	Phòng Tài chính Kế toán	3.850.990				0		0		10.000	3.840.990	
31	Nguyễn Anh Tuấn	Phòng Hành chính Quản trị	6.114.355				0		0		10.000	6.104.355	
32	Phạm Thị Kim Quy	Phòng Hành chính Quản trị	6.441.760				0		0		10.000	6.431.760	
33	Đỗ Tất Chi	Phòng Hành chính Quản trị	7.115.459				0		0		10.000	7.105.459	
34	Nguyễn Đức Thắng	Phòng Hành chính Quản trị	7.288.743				0		0		10.000	7.278.743	
35	Ngô Phạm Hiên	Phòng Hành chính Quản trị	6.256.705				0		0		10.000	6.246.705	
36	Nguyễn Văn Nghĩa	Phòng Hành chính Quản trị	4.875.910				0		0		10.000	4.865.910	
37	Vũ Thị Xuân	Phòng Hành chính Quản trị	5.355.110				0		0		10.000	5.345.110	
38	Nguyễn Hải Đăng	Phòng Hành chính Quản trị	4.406.155				0		0		10.000	4.396.155	
39	Lộc Thị Quyên	Phòng Hành chính Quản trị	4.021.810	300.000	1.125.000		0		1.800.000		10.000	3.636.810	
40	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính Quản trị	5.431.075				0		0		10.000	5.421.075	
41	Lộc Thị Bích Duyệt	Phòng CNTT và Truyền Thông	4.911.920				0		4.000.000		10.000	901.920	
42	Trần Mạnh Hà	Phòng CNTT và Truyền Thông	5.561.920				0		0		10.000	5.551.920	
43	Đinh Viết Cường	Phòng CNTT và Truyền Thông	6.022.250				0		0		10.000	6.012.250	
44	Đỗ Việt Hà	Phòng CNTT và Truyền Thông	4.840.745	300.000	900.000		0		0		10.000	6.030.745	
45	Chu Đức Cảnh	Phòng CNTT và Truyền Thông	3.850.990				0		0		10.000	3.840.990	
46	Nguyễn Thị Lan	Phòng Tổ chức Cán bộ	6.911.515				0		0		10.000	6.901.515	
47	Nguyễn Ánh Ngọc	Phòng Tổ chức Cán bộ	4.790.500	300.000	1.125.000		0		0		10.000	6.205.500	
48	Vân Thị Kim Dung	Phòng Tổ chức Cán bộ	3.145.910				0		0		10.000	3.135.910	
49	Vũ Thị Hạ	Phòng Tổ chức Cán bộ	5.005.910				0		0		10.000	4.995.910	
50	Nguyễn Thị Kiều Trang	Phòng Tổ chức Cán bộ	4.320.745				0		0		10.000	4.310.745	
51	Đỗ Khắc Chiến	Phòng Vật tư - TBYT	7.408.310				0		0		10.000	7.398.310	
52	Kiều Hoa Thơm	Phòng Vật tư - TBYT	4.306.510	300.000	1.008.000		0		0		10.000	5.604.510	
53	Đặng Xuân Quân	Phòng Vật tư - TBYT	6.734.910				0		0		10.000	6.724.910	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chế nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
54	Quách Thị Huyền	Phòng Vật tư - TBYT	4.021.810				0		0		10.000	4.011.810	
55	Đông Thị Quyền	Phòng Vật tư - TBYT	0				0		0		0	0	
56	Dương Thị Huyền	Phòng Vật tư - TBYT	5.160.610				0		0		10.000	5.150.610	
57	Hà Trọng Nghĩa	Phòng Vật tư - TBYT	3.850.990				0		0		10.000	3.840.990	
58	Đặng Thị Thu	Khoa Dinh dưỡng	3.490.500				0		0		10.000	3.480.500	
59	Khuất Thị Lệ Quyền	Khoa Dinh dưỡng	5.856.695		228.000		0		0		10.000	6.074.695	
60	Phan Thị Nga	Khoa Dinh dưỡng	5.334.810				0		0		10.000	5.324.810	
61	Nguyễn Thị Thu Đông	Khoa Khám bệnh TYC	10.342.280				0		0		10.000	10.332.280	
62	Nguyễn Thị Tuyền	Khoa Khám bệnh TYC	8.456.760		990.000	456.300	0		0		10.000	9.893.060	
63	Nguyễn Thị Mơ	Khoa Khám bệnh TYC	4.661.410				0		4.000.000		10.000	651.410	
64	Lê Thị Thu Ngân	Khoa Khám bệnh TYC	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
65	Trần Sinh Cường	Khoa Khám bệnh TYC	0				0		0		0	0	
66	Nguyễn Thị Giang	Khoa Khám bệnh TYC	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
67	Nguyễn Thị Chinh	Khoa Khám bệnh TYC	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
68	Phạm Thị Phương Lan	Khoa Khám bệnh TYC	4.998.110				0		3.000.000		10.000	1.988.110	
69	Lê Thị Toàn	Khoa Khám bệnh TYC	7.071.610				0		0		10.000	7.061.610	
70	Trần Phương Kính	Khoa Khám bệnh TYC	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
71	Cam Thị Sứ	Khoa Khám bệnh TYC	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
72	Nguyễn Thị Phan	Khoa Khám bệnh TYC	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
73	Đào Hùng Hải	Khoa Phẫu thuật	8.749.091				0		0		10.000	8.739.091	
74	Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa Phẫu thuật	6.867.250		1.038.000	257.400	0		5.300.000		10.000	2.852.650	
75	Lâm Thị Phương	Khoa Phẫu thuật	8.250.301				0		0		10.000	8.240.301	
76	Nguyễn Thị Huệ	Khoa Phẫu thuật	8.322.841				0		0		10.000	8.312.841	
77	Nguyễn Thị Bích Loan	Khoa Phẫu thuật	7.882.810				0		0		10.000	7.872.810	
78	Đỗ Văn Tuyền	Khoa Phẫu thuật	10.820.680				0		0		10.000	10.810.680	
79	Nguyễn Xuân Thanh	Khoa Phẫu thuật	10.639.330				0		0		10.000	10.629.330	
80	Lã Thị Vân	Khoa Phẫu thuật	6.794.710				0		0		10.000	6.784.710	
81	Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa Phẫu thuật	5.362.045				0		0		10.000	5.352.045	
82	Nguyễn Tuyết Nhung	Khoa Phẫu thuật	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
83	Phùng Thu Diệp	Khoa Phẫu thuật	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
84	Hoàng Thị Thúy	Khoa Phẫu thuật	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
85	Đinh Thị Nguyệt	Khoa Phẫu thuật	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
86	Phạm Hồng Thanh	Khoa Phẫu thuật	9.115.990				0		0		10.000	9.105.990	
87	Hoàng Thị Nhung	Khoa Phẫu thuật	4.981.210				0		0		10.000	4.971.210	
88	Trần Thanh Tuấn	Khoa Phẫu thuật	4.981.210				0		4.000.000		10.000	971.210	
89	Hoàng Thị Thu Trà	Khoa Phẫu thuật	4.981.210				0		0		10.000	4.971.210	
90	Hoàng Thị Đào	Khoa Phẫu thuật	6.891.105				0		0		10.000	6.881.105	
91	Phùng Thị Cúc	Khoa Phẫu thuật	4.618.510				0		0		10.000	4.608.510	
92	Trần Thị Lụa	Khoa Phẫu thuật	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
93	Phan Thu Trang	Khoa Phẫu thuật	0				0		0		0	0	
94	Nông Thị Tuyết Mai	Khoa Phẫu thuật	5.362.045				0		0		10.000	5.352.045	
95	Đinh Trọng Tiến	Khoa Phẫu thuật	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
96	Mai Ngọc Anh	Khoa Phẫu thuật	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
97	Lê Đức Thắng	Khoa Dược	10.583.703				0		0		10.000	10.573.703	
98	Hoàng Tuyết Lan	Khoa Dược	8.037.991				41.600		0		10.000	8.069.591	
99	Vũ Thị Kim Vân	Khoa Dược	7.899.684				0		0		10.000	7.889.684	
100	Nguyễn Thị Hào	Khoa Dược	0				0		0		0	0	
101	Nguyễn Thị Nhân	Khoa Dược	6.849.960		4.200.000		673.403		0		10.000	11.713.363	
102	Hoàng Thị Lưu	Khoa Dược	7.355.010				0		0		10.000	7.345.010	
103	Đinh Thị Hoa	Khoa Dược	5.334.810				0		0		10.000	5.324.810	
104	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Khoa Dược	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
105	Đỗ Thu Hà	Khoa Dược	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
106	Lê Thu Trang	Khoa Dược	6.412.250				0		0		10.000	6.402.250	
107	Viên Thế Du	Khoa Dược	5.570.500				0		0		10.000	5.560.500	
108	Nguyễn Tuyết Nhung	Khoa Dược	4.324.710				0		3.800.000		10.000	514.710	
109	Phùng Thị Dung	Khoa Dược	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
110	Tô Huyền Trang	Khoa Dược	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
111	Nguyễn Thị Liên	Khoa Dược	5.334.810				0		0		10.000	5.324.810	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chế nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
112	Chu Quốc Huy	Khoa Dược	9.573.603				0		0		10.000	9.563.603	
113	Nguyễn Thị Nhung	Khoa Dược	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
114	Hoàng Minh Hải	Khoa Dược	6.344.910				0		0		10.000	6.334.910	
115	Lương Huỳnh Đức	Khoa Dược	3.988.010				0		0		10.000	3.978.010	
116	Nguyễn Thị Hường	Khoa A10	10.082.280				0		0		10.000	10.072.280	
117	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa A10	0				0		0		0	0	
118	Nguyễn Thị Tuyết	Khoa A10	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
119	Nguyễn Thị Hiền	Khoa A10	7.018.310				0		0		10.000	7.008.310	
120	Lộc Thị Uyên	Khoa A10	3.094.910				0		0		10.000	3.084.910	
121	Cần Thị Hương Giang	Khoa A10	5.051.410		876.000	491.400	0		0		10.000	6.408.810	
122	Hoàng Thị Thu Hiền	Khoa A10	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
123	Lê Thị Thanh	Khoa A10	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
124	Trần Hữu Long	Khoa Khám bệnh	10.784.670				0		0		10.000	10.774.670	
125	Hoàng Thị Kim Thoa	Khoa Khám bệnh	7.792.720				0	2.000.000	0		10.000	9.782.720	
126	Ma Thị Mễ	Khoa Khám bệnh	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
127	Phan Thị Như	Khoa Khám bệnh	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
128	Nguyễn Thị Hương	Khoa Khám bệnh	6.126.055				0		0		10.000	6.116.055	
129	Hoàng Thu Trang	Khoa Khám bệnh	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
130	Nguyễn Thị Hiếu	Khoa Khám bệnh	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
131	Dương Thị Hoa	Khoa Khám bệnh	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
132	Đào Thị Thu Trang	Khoa Khám bệnh	3.094.910				0		0		10.000	3.084.910	
133	Nguyễn Thị Dinh	Khoa Khám bệnh	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
134	Triệu Kim Phượng	Khoa Khám bệnh	2.862.210				0		0		10.000	2.852.210	
135	Bùi Thị Thảo	Khoa Khám bệnh	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
136	Lã Ngọc Trang	Khoa Khám bệnh	4.998.110				0		1.000.000		10.000	3.988.110	
137	Lô Thị Hồng Nhung	Khoa Khám bệnh	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
138	Mai Ngọc Nhị	Khoa Khám bệnh	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
139	Nguyễn Thuý Linh	Khoa Khám bệnh	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
140	Phạm Thị Hạnh	Khoa Khám bệnh	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
141	Trần Thuý Lan	Khoa Khám bệnh	6.967.805		8.223.000	1.521.000	0		0		10.000	16.701.805	
142	Chu Bích Diệp	Khoa Khám bệnh	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
143	Phạm Thị Dương	Khoa Khám bệnh	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
144	Nguyễn Tuyết Phong	Khoa Khám bệnh	7.237.165				0		5.500.000		10.000	1.727.165	
145	Phạm Thị Hồng	Khoa Khám bệnh	4.324.710				0		3.100.000		10.000	1.214.710	
146	Nguyễn Quế Hương	Khoa Khám bệnh	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
147	Đỗ Thị Oanh	Khoa Khám bệnh	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
148	Lục Thị Hằng	Khoa Khám bệnh	3.988.010				0		0		10.000	3.978.010	
149	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Khoa Mắt	6.967.805				0		0		10.000	6.957.805	
150	Lương Thị Thuý	Khoa Mắt	6.268.210				0		0		10.000	6.258.210	
151	Vũ Hải Yến	Khoa Mắt	6.412.250		660.000	432.900	0		0		10.000	7.495.150	
152	Nguyễn Thị Phương	Khoa Mắt	4.921.410				0		0		10.000	4.911.410	
153	Hoàng Thị Đa	Khoa Mắt	0				0		0		0	0	
154	Phan Thị Dung	Khoa Mắt	6.008.210				0		4.000.000		10.000	1.998.210	
155	Tạ Thị Nga	Khoa Mắt	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
156	Cần Ngọc Thúy	Khoa Mắt	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
157	Tạ Minh Hoàn	Khoa Mắt	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
158	Vũ Thị Quỳnh Anh	Khoa Mắt	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
159	Lò Thị Tâm	Khoa Răng - Hàm - Mặt	10.784.670				0		0		10.000	10.774.670	
160	Tào Hồng Hải	Khoa Răng - Hàm - Mặt	6.386.055				0		0		10.000	6.376.055	
161	Đinh Thị Kim Phụng	Khoa Răng - Hàm - Mặt	8.099.488				0		0		10.000	8.089.488	
162	Lệnh Minh Kim	Khoa Răng - Hàm - Mặt	7.615.010				0		0		10.000	7.605.010	
163	Nguyễn Thị Thuý Tình	Khoa Răng - Hàm - Mặt	7.653.360		798.000	643.500	0		0		10.000	9.084.860	
164	Đỗ Tân Diệp	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
165	Lương Văn Hiệp	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.998.110				0		4.000.000		10.000	988.110	
166	Phạm Thị Hồng Thuý	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
167	Hà Lan Anh	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.072.250				0		0		10.000	4.062.250	
168	Nguyễn Thị Lan	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
169	Trần Cao Quyền	Khoa Răng - Hàm - Mặt	5.144.945				0		3.700.000		10.000	1.434.945	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chế nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
170	Hoàng Thị Giang	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
171	Lâm Quang Viện	Khoa Răng - Hàm - Mặt	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
172	Hoàng Thị Hạ	Khoa Răng - Hàm - Mặt	2.831.590				0		0		10.000	2.821.590	
173	Nguyễn Thị Niềm	Khoa Răng - Hàm - Mặt	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
174	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Khoa Tai Mũi Họng	7.396.155				0		0		10.000	7.386.155	
175	Hoàng Thị Quê	Khoa Tai Mũi Họng	9.024.470		1.950.000	737.100	0		0		10.000	11.701.570	
176	Đỗ Thị Yến	Khoa Tai Mũi Họng	6.941.610				0		0		10.000	6.931.610	
177	Hoàng Thị Sinh	Khoa Tai Mũi Họng	6.941.610				0		0		10.000	6.931.610	
178	Nguyễn Quyết Tiến	Khoa Tai Mũi Họng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
179	Nguyễn Thị Hương Lan	Khoa Tai Mũi Họng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
180	Nguyễn Thị Tươi	Khoa Tai Mũi Họng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
181	Nguyễn Thị Hà Giang	Khoa Tai Mũi Họng	1.237.200				0		0		10.000	1.227.200	
182	Hà Anh Trung	Khoa Tai Mũi Họng	3.094.910				0		0		10.000	3.084.910	
183	Lê Thị Phòng	Khoa Tai Mũi Họng	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
184	Hoàng Hồng Anh	Khoa Tai Mũi Họng	0				0		0		0	0	
185	Lưu Văn Kính	Khoa Tai Mũi Họng	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
186	Nguyễn Thị Quỳnh	Khoa Tai Mũi Họng	3.089.390				0		0		10.000	3.079.390	
187	Vương Thùy Vân	Khoa Tai Mũi Họng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
188	Ngô Thị Thanh Huyền	Khoa Tai Mũi Họng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
189	Lâm Ngọc Huyền	Khoa Tai Mũi Họng	3.106.545				0		0		10.000	3.096.545	
190	Xuân Văn Khánh	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	11.174.670				0		0		10.000	11.164.670	
191	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	9.058.251		2.028.000	280.800	0		0		10.000	11.357.051	
192	Đỗ Hồng Phong	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	6.090.500				0		0		10.000	6.080.500	
193	Nguyễn Xuân Nghĩa	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	9.861.540				0		0		10.000	9.851.540	
194	Mai Tiến Dũng	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	5.518.110				0		0		10.000	5.508.110	
195	Nguyễn Văn Khanh	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	5.518.110				0		0		10.000	5.508.110	
196	Xuân Thế Dư	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	5.518.110				0		3.100.000		10.000	2.408.110	
197	Bế Văn Hợp	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	7.201.610				0		3.000.000		10.000	4.191.610	
198	Nguyễn Thị Giang	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
199	Phan Khương Duy	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	5.518.110				0		0		10.000	5.508.110	
200	Đỗ Văn Cảnh	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	6.090.500				0		0		10.000	6.080.500	
201	Đỗ Thị Yến	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	3.637.465				0		0		10.000	3.627.465	
202	Đinh Xuân Hạnh	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	5.181.410				0		0		10.000	5.171.410	
203	Triệu Thị Thu Hoàn	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
204	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.844.710				0		0		10.000	4.834.710	
205	Tào Quốc Huy	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.844.710				0		0		10.000	4.834.710	
206	Lục Văn Nguyên	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.979.390				0		2.100.000		10.000	2.869.390	
207	Lệnh Văn Hậu	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.979.390				0		0		10.000	4.969.390	
208	Đỗ Thị Mai Hương	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	6.008.210				0		5.500.000		10.000	498.210	
209	Đỗ Trung Dũng	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.844.710				0		3.000.000		10.000	1.834.710	
210	Trần Minh Chương	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.979.390				0		0		10.000	4.969.390	
211	Lý Ngọc Hoàng	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.979.390				0		0		10.000	4.969.390	
212	Chu Đức Nguyên	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	4.979.390				0		0		10.000	4.969.390	
213	Trần Anh Dũng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	4.508.010				0		0		10.000	4.498.010	
214	Nguyễn Thị Thành	Khoa Thăm dò Chức Năng	9.190.025		1.131.000		0		0		10.000	10.311.025	
215	Nguyễn Thị Dung	Khoa Thăm dò Chức Năng	7.241.956				0		0		10.000	7.231.956	
216	Hoàng Thị Thực	Khoa Thăm dò Chức Năng	7.763.841				0		0		10.000	7.753.841	
217	Nguyễn Bích Thủy	Khoa Thăm dò Chức Năng	5.671.510				0		0		10.000	5.661.510	
218	Phùng Thị Phương	Khoa Thăm dò Chức Năng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
219	Nguyễn Thị Phương Hà	Khoa Thăm dò Chức Năng	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
220	Phạm Thị Toan	Khoa Thăm dò Chức Năng	7.696.501				0		0		10.000	7.686.501	
221	Nguyễn Thị Kim Huế	Khoa Thăm dò Chức Năng	6.126.055				0		0		10.000	6.116.055	
222	Nguyễn Thị Mai Hoa	Khoa Thăm dò Chức Năng	4.998.110				0		3.000.000		10.000	1.988.110	
223	Phạm Tuấn Anh	Khoa Thăm dò Chức Năng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
224	Lê Việt Quang	Khoa Xét nghiệm	4.456.205				0		0		10.000	4.446.205	
225	Vũ Đức Toàn	Khoa Xét nghiệm	7.278.310				0		1.200.000		10.000	6.068.310	
226	Đặng Thị Nga	Khoa Xét nghiệm	7.227.805		3.234.000		0		0		10.000	10.451.805	
227	Nguyễn Hà Thu	Khoa Xét nghiệm	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chế nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
228	Tô Thị Hương	Khoa Xét nghiệm	4.584.710				0		0		10.000	4.574.710	
229	Nguyễn Thị Kim Nga	Khoa Xét nghiệm	4.719.390				0		0		10.000	4.709.390	
230	Phan Thị Oanh	Khoa Vi Sinh	9.271.841				0		0		10.000	9.261.841	
231	Lý Hoàng Việt	Khoa Vi Sinh	6.079.710				0		0		10.000	6.069.710	
232	Hoàng Thị Thê	Khoa Vi Sinh	9.947.275				0		0		10.000	9.937.275	
233	Phạm Thùy Linh	Khoa Vi Sinh	5.457.790				0		3.000.000		10.000	2.447.790	
234	Nguyễn Thị Hoài Linh	Khoa Vi Sinh	6.680.895				0		0		10.000	6.670.895	
235	Bùi Thị Hải Bình	Khoa Vi Sinh	9.636.315		1.128.000		0		0		10.000	10.754.315	
236	Nguyễn Ngọc Lưu	Khoa Huyết học Truyền máu	10.342.280				0		0		10.000	10.332.280	
237	Bùi Thị Hằng	Khoa Huyết học Truyền máu	8.608.275				0		0		10.000	8.598.275	
238	Trần Thị Huệ	Khoa Huyết học Truyền máu	6.891.105				0		0		10.000	6.881.105	
239	Hà Thị Hồng Nhung	Khoa Huyết học Truyền máu	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
240	Đỗ Thiên Diệp	Khoa Huyết học Truyền máu	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
241	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Huyết học Truyền máu	0				0		0		0	0	
242	Lương Thị Thảo Khuyên	Khoa Huyết học Truyền máu	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
243	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Huyết học Truyền máu	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
244	Hứa Thúy Nga	Khoa Huyết học Truyền máu	4.719.390				0		0		10.000	4.709.390	
245	Mai Thu Giang	Khoa Huyết học Truyền máu	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
246	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Huyết học Truyền máu	7.237.165				0		2.600.000		10.000	4.627.165	
247	Trịnh Thị Cảnh	Khoa Huyết học Truyền máu	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
248	Đào Thị Minh Huệ	Khoa Huyết học Truyền máu	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
249	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Huyết học Truyền máu	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
250	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Huyết học Truyền máu	4.584.710				0		0		10.000	4.574.710	
251	Bùi Bích Ngọc	Khoa Huyết học Truyền máu	8.182.720		1.593.000	526.500	0		0		10.000	10.292.220	
252	Ma Tường Huy	Khoa Huyết học Truyền máu	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
253	Đinh Thị Hà	Khoa Giải phẫu bệnh	10.427.365				0		0		10.000	10.417.365	
254	Ma Thị Nhé	Khoa Giải phẫu bệnh	10.365.160		216.000		0		0		10.000	10.571.160	
255	Hà Thị Nguyệt	Khoa Giải phẫu bệnh	10.169.991				0		0		10.000	10.159.991	
256	Trần Thị Hiền	Khoa Giải phẫu bệnh	8.084.310				0		0		10.000	8.074.310	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
257	Nguyễn Thị Thắm	Khoa Giải phẫu bệnh	8.499.010				0		0		10.000	8.489.010	
258	Đỗ Thị Thủy	Khoa Sản	8.081.710				0		0		10.000	8.071.710	
259	Sin Thị Huyền	Khoa Sản	8.208.915				0		0		10.000	8.198.915	
260	Nông Thị Bích Ngọc	Khoa Sản	5.057.610				0		0		10.000	5.047.610	
261	Lâm Thị Kim Ngân	Khoa Sản	8.608.275				0		0		10.000	8.598.275	
262	Nguyễn Thị Tâm	Khoa Sản	8.159.684				0		0		10.000	8.149.684	
263	Nguyễn Thị Xuyến	Khoa Sản	3.793.010				0		0		10.000	3.783.010	
264	Nguyễn Thị Thập	Khoa Sản	6.268.210				0		0		10.000	6.258.210	
265	Vi Thị Vân	Khoa Sản	4.769.895				0		0		10.000	4.759.895	
266	Nguyễn Thị Hạnh	Khoa Sản	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
267	Nguyễn Thị Nhung	Khoa Sản	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
268	Nguyễn Thị Huyền Lê	Khoa Sản	3.490.500				0		0		10.000	3.480.500	
269	Đán Thị Hà	Khoa Sản	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
270	Đỗ Thị Bích Việt	Khoa Sản	3.315.110				0		2.100.000		10.000	1.205.110	
271	Hoàng Thị Giang	Khoa Sản	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
272	Nguyễn Thị Nhi	Khoa Sản	5.014.945				0		4.500.000		10.000	504.945	
273	Đặng Thị Ngân	Khoa Sản	7.071.610		1.230.000	1.638.000	0		0		10.000	9.929.610	
274	Nguyễn Thị Liên	Khoa Sản	6.681.610				0		0		10.000	6.671.610	
275	Bùi Thị Mạnh Ngân	Khoa Sản	6.008.210				0		423.000		10.000	5.575.210	
276	Hà Thị Thanh Thuý	Khoa Sản	4.661.410				0		3.000.000		10.000	1.651.410	
277	Hoàng Thị Nhớ	Khoa Sản	5.334.810				0		0		10.000	5.324.810	
278	Hà Thị Kim Diễm	Khoa Sản	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
279	Phùng Thị Duyên	Khoa Sản	7.018.310				0		4.000.000		10.000	3.008.310	
280	Nguyễn Hoàng Thạch	Khoa Sản	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
281	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Nhi	12.053.860				0		0		10.000	12.043.860	
282	Nguyễn Thị Minh Trâm	Khoa Nhi	11.364.730				0		0		10.000	11.354.730	
283	Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa Nhi	7.208.955				0		0		10.000	7.198.955	
284	Nguyễn Thị Tuyết	Khoa Nhi	8.532.810				362.701		0		10.000	8.885.511	
285	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Nhi	7.082.010				0		0		10.000	7.072.010	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
286	Phan Thị Xuân	Khoa Nhi	8.410.610				0		0		10.000	8.400.610	
287	Ngô Vinh Quang	Khoa Nhi	8.274.565				0		0		10.000	8.264.565	
288	Ngô Thị Tuyết	Khoa Nhi	6.558.955				0		0		10.000	6.548.955	
289	Lê Thị Kim Thoa	Khoa Nhi	9.246.315		1.812.000	1.544.400	0		0		10.000	12.592.715	
290	Dương Thị Hiền	Khoa Nhi	6.558.955				0		0		10.000	6.548.955	
291	Đỗ Thị Lan Hương	Khoa Nhi	5.362.045				0		0		10.000	5.352.045	
292	Lý Thị Thu Trang	Khoa Nhi	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
293	Viên Thị Tuyền	Khoa Nhi	4.981.210				0		0		10.000	4.971.210	
294	Lương Cao Đạt	Khoa Nhi	6.867.250				0		0		10.000	6.857.250	
295	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Khoa Nhi	5.362.045				0		0		10.000	5.352.045	
296	Nguyễn Thị Nguyên	Khoa Nhi	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
297	Vũ Anh Tuyền	Khoa Nhi	4.981.210				0		0		10.000	4.971.210	
298	Hoàng Thị Huế	Khoa Nhi	4.618.510				0		1.200.000		10.000	3.408.510	
299	Mương Tiến Đức	Khoa Nhi	4.981.210				0		0		10.000	4.971.210	
300	Nguyễn Thị Hợp	Khoa Nhi	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
301	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Khoa Nhi	4.763.590				0		0		10.000	4.753.590	
302	Lương Thị Phúc	Khoa Nhi	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
303	Trần Thu Hà	Khoa Nhi	5.706.610				362.701		0		10.000	6.059.311	
304	Chu Hồng Vũ	Khoa Nhi	5.343.910				0		0		10.000	5.333.910	
305	Vũ Thị Minh Nga	Khoa Nhi	9.198.891				0		0		10.000	9.188.891	
306	Đỗ Thị Diệp	Khoa Nhi	4.763.590				0		0		10.000	4.753.590	
307	Phan Thị Hồng Vân	Khoa Nhi	5.343.910				0		3.100.000		10.000	2.233.910	
308	Đàm Mỹ Hạnh	Khoa Nhi	4.255.810				0		0		10.000	4.245.810	
309	Phạm Văn Hòa	Khoa Nhi	4.763.590				0		0		10.000	4.753.590	
310	Nguyễn Việt Thắng	Khoa Nội tổng hợp	7.523.360				0		0		10.000	7.513.360	
311	Mai Bảo Trung	Khoa Nội tổng hợp	8.078.915				0		0		10.000	8.068.915	
312	Nguyễn Thị Vân	Khoa Nội tổng hợp	7.355.010				0		0		10.000	7.345.010	
313	Nguyễn Thị Liên	Khoa Nội tổng hợp	6.008.210				673.403		0		10.000	6.671.613	
314	Đàm Thị Thắm	Khoa Nội tổng hợp	5.671.510				0		4.000.000		10.000	1.661.510	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
315	Nguyễn Thị Thanh Hải	Khoa Nội tổng hợp	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
316	Trương Thị Lý	Khoa Nội tổng hợp	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
317	Nguyễn Hồng Minh	Khoa Nội tổng hợp	4.661.410		2.811.000	1.616.925	0		0		10.000	9.079.335	
318	Cao Thị Tiên	Khoa Nội tổng hợp	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
319	Dương Thủy Loan	Khoa Nội tổng hợp	5.570.500				0		0		10.000	5.560.500	
320	Hoàng Thị Khuyên	Khoa Nội tổng hợp	5.671.510				673.400		2.000.000		10.000	4.334.910	
321	Lê Thị Kim Ngân	Khoa Nội tổng hợp	5.388.110				0		0		10.000	5.378.110	
322	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Nội tổng hợp	5.334.810				0		0		10.000	5.324.810	
323	Lưu Thị Việt	Khoa Nội tổng hợp	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
324	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Nội tổng hợp	3.106.545				0		0		10.000	3.096.545	
325	Phạm Thị Xuyên	Khoa Nội tổng hợp	5.678.985				0		0		10.000	5.668.985	
326	Phùng Thị Hồng Hạnh	Khoa Nội tổng hợp	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
327	Nguyễn Thị Huyền My	Khoa Nội tổng hợp	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
328	Dương Minh Châu	Khoa Nội tổng hợp	3.089.390				0		0		10.000	3.079.390	
329	Lênh Thị Tân	Khoa Nội tổng hợp	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
330	Lưu Cẩm Loan	Khoa Nội tổng hợp	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
331	Vũ Đình Cao	Khoa Tim mạch - Nội tiết	8.247.265				0		5.000.000		10.000	3.237.265	
332	Nguyễn Thị Luyến	Khoa Tim mạch - Nội tiết	10.163.992				0		0		10.000	10.153.992	
333	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Tim mạch - Nội tiết	5.856.695		2.100.000	1.382.925	0		0		10.000	9.329.620	
334	Hoàng Thị Ngọc Diệp	Khoa Tim mạch - Nội tiết	5.334.810				0		0		10.000	5.324.810	
335	Lục Thị Thu Hằng	Khoa Tim mạch - Nội tiết	6.268.210				0		0		10.000	6.258.210	
336	Nguyễn Văn Sang	Khoa Tim mạch - Nội tiết	6.344.910				673.400		0		10.000	7.008.310	
337	Đặng Thị Sao Mai	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
338	Trần Thị Thuý	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
339	Trịnh Tiến Hùng	Khoa Tim mạch - Nội tiết	6.220.500				0		0		10.000	6.210.500	
340	Hoàng Thị Mai Sim	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
341	Lò Thành Sơn Anh	Khoa Tim mạch - Nội tiết	3.106.545				0		0		10.000	3.096.545	
342	Lò Thị Hương	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
343	Nguyễn Thị Nho	Khoa Tim mạch - Nội tiết	6.941.610				0		0		10.000	6.931.610	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
344	Đinh Thị Duyên	Khoa Tim mạch - Nội tiết	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
345	Nguyễn Thị Phuong	Khoa Tim mạch - Nội tiết	6.588.075				0		0		10.000	6.578.075	
346	Nguyễn Xuân Tiến	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
347	Phạm Thị Huyền Trang	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
348	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
349	Nguyễn Thế Hưng	Khoa Tim mạch - Nội tiết	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
350	Vũ Ngọc Quyết	Khoa Ngoại Tổng hợp	8.247.265				0		7.000.000		10.000	1.237.265	
351	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Ngoại Tổng hợp	6.344.910				0		0		10.000	6.334.910	
352	Lý Thị Hằng	Khoa Ngoại Tổng hợp	7.018.310				0		0		10.000	7.008.310	
353	Trần Thị Kim Dung	Khoa Ngoại Tổng hợp	5.931.510				0		3.000.000		10.000	2.921.510	
354	Lâm Thị Thanh Tuyền	Khoa Ngoại Tổng hợp	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
355	Lê Thị Thảo	Khoa Ngoại Tổng hợp	3.094.910				0		0		10.000	3.084.910	
356	Mai Thị Thu Hằng	Khoa Ngoại Tổng hợp	7.018.310				673.403		0		10.000	7.681.713	
357	Đỗ Trung Kiên	Khoa Ngoại Tổng hợp	5.960.500				0		4.000.000		10.000	1.950.500	
358	Bùi Quang Thái	Khoa Ngoại Tổng hợp	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
359	Đào Thị Thắm	Khoa Ngoại Tổng hợp	5.678.985				0		4.000.000		10.000	1.668.985	
360	Nguyễn Tùng Anh	Khoa Ngoại Tổng hợp	4.324.710				0		3.000.000		10.000	1.314.710	
361	Đặng Cao Kỳ	Khoa Ngoại Tổng hợp	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
362	Bùi Ngọc Hân	Khoa Ngoại Tổng hợp	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
363	Lộc Trần Thịnh	Khoa Ngoại Tổng hợp	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
364	Phạm Anh Tuấn	Khoa Ngoại Tổng hợp	6.967.805		1.260.000	1.638.000	0		4.500.000		10.000	5.355.805	
365	Nguyễn Thị Hải Lý	Khoa Ngoại Tổng hợp	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
366	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Khoa Ngoại Tổng hợp	6.126.055				0		0		10.000	6.116.055	
367	Mã Hồng Cầu	Khoa Ung bướu	7.691.710				0		0		10.000	7.681.710	
368	Nguyễn Khánh Dũng	Khoa Ung bướu	6.967.805		1.350.000	772.200	0		0		10.000	9.080.005	
369	Vũ Thị Ánh Hồng	Khoa Ung bướu	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
370	Trần Thị Thu Ngọc	Khoa Ung bướu	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
371	Đỗ Thị Thuý Liên	Khoa Ung bướu	5.014.945				0		0		10.000	5.004.945	
372	Xin Thị Thủy	Khoa Ung bướu	4.584.710				0		0		10.000	4.574.710	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chế nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
373	Phạm Minh Hải	Khoa Ung bướu	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
374	Chu Minh Hải	Khoa Ung bướu	7.237.165				0		0		10.000	7.227.165	
375	Hoàng Thị Phần	Khoa Ung bướu	7.832.344				0		0		10.000	7.822.344	
376	Nghiêm Xuân Việt	Khoa Ung bướu	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
377	Phạm Văn Cảnh	Khoa Ung bướu	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
378	Quan Thị Vên	Khoa Ung bướu	5.671.510				0		3.200.000		10.000	2.461.510	
379	Lê Văn Lợi	Khoa Chấn thương - Chính hình	12.944.230				0		0		10.000	12.934.230	
380	Đào Thùy Dương	Khoa Chấn thương - Chính hình	6.516.055				0		0		10.000	6.506.055	
381	Phạm Văn Cường	Khoa Chấn thương - Chính hình	6.681.610				0		5.000.000		10.000	1.671.610	
382	Nguyễn Thị Hà B	Khoa Chấn thương - Chính hình	7.725.705		1.500.000	1.287.000	0		3.000.000		10.000	7.502.705	
383	Ngọc Thanh Phương	Khoa Chấn thương - Chính hình	7.237.165				0		6.000.000		10.000	1.227.165	
384	Hoàng Thị Huyền	Khoa Chấn thương - Chính hình	6.329.310				0		3.000.000		10.000	3.319.310	
385	Nguyễn Thị Việt Nga	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.998.110				0		3.600.000		10.000	1.388.110	
386	Nguyễn Thị Nết	Khoa Chấn thương - Chính hình	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
387	Hứa Thị Hường	Khoa Chấn thương - Chính hình	6.329.310				0		0		10.000	6.319.310	
388	Nguyễn Văn Tích	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
389	Lê Thị Hiền	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
390	Nguyễn Duy Hoàng	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
391	Nguyễn Thị Đậu	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
392	Nguyễn Thị Oách	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
393	Phạm Ngọc Nam	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
394	Đào Thị Hương	Khoa Chấn thương - Chính hình	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
395	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Cấp cứu	8.924.565				641.355		0		10.000	9.555.920	
396	Nguyễn Thị Minh Tâm	Khoa Cấp cứu	6.740.500				0		0		10.000	6.730.500	
397	Phan Công Lý	Khoa Cấp cứu	7.330.895		1.089.000	444.600	0		0		10.000	8.854.495	
398	Lục Thị Phương	Khoa Cấp cứu	5.689.710				0		0		10.000	5.679.710	
399	Đặng Thị Chung	Khoa Cấp cứu	5.949.710				0		0		10.000	5.939.710	
400	Trần Viễn Dương	Khoa Cấp cứu	5.689.710				0		0		10.000	5.679.710	
401	Phan Thị Phương	Khoa Cấp cứu	5.709.145				0		0		10.000	5.699.145	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
402	Nguyễn Đức Quyết	Khoa Cấp cứu	2.862.210				0		0		10.000	2.852.210	
403	Hoàng Thị Diễm	Khoa Cấp cứu	5.301.010				0		4.500.000		10.000	791.010	
404	Đinh Thị Thịnh	Khoa Cấp cứu	6.435.585				0		0		10.000	6.425.585	
405	Nguyễn Xuân Sơn	Khoa Cấp cứu	9.887.670				0		7.000.000		10.000	2.877.670	
406	Nguyễn Thị Ngọc	Khoa Cấp cứu	5.302.310				0		0		10.000	5.292.310	
407	Lục Thị Hạnh	Khoa Cấp cứu	4.912.310				0		0		10.000	4.902.310	
408	Lê Thị Thu	Khoa Cấp cứu	5.689.710				0		2.000.000		10.000	3.679.710	
409	Đinh Thị Nhung	Khoa Cấp cứu	5.230.710				0		0		10.000	5.220.710	
410	Lê Ánh Hồng Phong	Khoa Cấp cứu	5.067.790				0		2.500.000		10.000	2.557.790	
411	Trần Văn Học	Khoa HSTC & Chống độc	10.950.680				0		0		10.000	10.940.680	
412	Tô Hữu Toại	Khoa HSTC & Chống độc	7.417.410				0		0		10.000	7.407.410	
413	Trần Văn Hiếu	Khoa HSTC & Chống độc	6.610.500				0		0		10.000	6.600.500	
414	Trần Hùng Cường	Khoa HSTC & Chống độc	6.528.795		1.776.000	1.322.100	0		0		10.000	9.616.895	
415	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa HSTC & Chống độc	8.380.301				0		0		10.000	8.370.301	
416	Đinh Thị Quỳnh	Khoa HSTC & Chống độc	7.363.005				0		0		10.000	7.353.005	
417	Trần Thanh Hương	Khoa HSTC & Chống độc	5.603.910				0		4.700.000		10.000	893.910	
418	Nguyễn Hồng Nhung	Khoa HSTC & Chống độc	5.603.910				0		3.600.000		10.000	1.993.910	
419	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Khoa HSTC & Chống độc	5.603.910				0		0		10.000	5.593.910	
420	Vương Tiến Văn	Khoa HSTC & Chống độc	5.603.910				0		0		10.000	5.593.910	
421	Hoàng Thị Dân	Khoa HSTC & Chống độc	5.603.910				0		0		10.000	5.593.910	
422	Mai Thị Oanh	Khoa HSTC & Chống độc	5.966.610				0		0		10.000	5.956.610	
423	Nguyễn Ngọc Ứng	Khoa HSTC & Chống độc	5.241.210				0		0		10.000	5.231.210	
424	Lê Xuân An	Khoa HSTC & Chống độc	5.241.210				0		0		10.000	5.231.210	
425	Nguyễn Thị Kim Thảo	Khoa HSTC & Chống độc	5.241.210				0		0		10.000	5.231.210	
426	Nguyễn Hồng Vân	Khoa HSTC & Chống độc	5.622.045				0		0		10.000	5.612.045	
427	Trần Quyết Thắng	Khoa HSTC & Chống độc	6.818.955				0		2.000.000		10.000	4.808.955	
428	Lù Thị Phương Ngân	Khoa HSTC & Chống độc	4.878.510				0		0		10.000	4.868.510	
429	Nguyễn Xuân Diễm	Khoa HSTC & Chống độc	4.878.510				0		0		10.000	4.868.510	
430	Vũ Thị Hằng	Khoa HSTC & Chống độc	5.023.590				0		0		10.000	5.013.590	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
431	Hoàng Duy Dương	Khoa HSTC & Chống độc	3.106.545				0		0		10.000	3.096.545	
432	Mai Thị Khởi	Khoa Phục hồi Chức năng	5.931.510				0		0		10.000	5.921.510	
433	Lê Đình Thuý	Khoa Phục hồi Chức năng	5.258.110				0		0		10.000	5.248.110	
434	Đỗ Thị Thu Hương	Khoa Phục hồi Chức năng	6.849.960		750.000	444.600	0		0		10.000	8.034.560	
435	Vừ Thị Mai Trang	Khoa Phục hồi Chức năng	6.126.055				0		0		10.000	6.116.055	
436	Đào Cẩm Lê	Khoa Phục hồi Chức năng	7.691.710				0		0		10.000	7.681.710	
437	Hoàng Thị Liễu	Khoa Phục hồi Chức năng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
438	Lê Thị Thuý	Khoa Phục hồi Chức năng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
439	Hoàng Thị Thu	Khoa Phục hồi Chức năng	4.998.110				0		2.300.000		10.000	2.688.110	
440	Đoàn Thị Cúc	Khoa Phục hồi Chức năng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
441	Đỗ Thị Huệ	Khoa Phục hồi Chức năng	3.094.910				0		1.800.000		10.000	1.284.910	
442	Bùi Tuyết Trinh	Khoa Phục hồi Chức năng	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
443	Đỗ Thị Thảo	Khoa Phục hồi Chức năng	4.324.710				0		3.000.000		10.000	1.314.710	
444	Ly Thị Chùm	Khoa Phục hồi Chức năng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
445	Vũ Thị Tiên	Khoa Phục hồi Chức năng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
446	Nguyễn Thị Duyên	Khoa Y học Cổ truyền	8.507.265				0		0		10.000	8.497.265	
447	Phan Thị Vân Hồ	Khoa Y học Cổ truyền	7.969.488				44.200		0		10.000	8.003.688	
448	Trần Thị Tuyết	Khoa Y học Cổ truyền	8.338.915		1.440.000	491.400	0		0		10.000	10.260.315	
449	Nguyễn Thị Loan	Khoa Y học Cổ truyền	6.008.210				0		2.600.000		10.000	3.398.210	
450	Nguyễn Ngọc Linh	Khoa Y học Cổ truyền	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
451	Bùi Thị Oanh	Khoa Y học Cổ truyền	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
452	Nguyễn Thị Giang	Khoa Y học Cổ truyền	6.008.210				336.701		0		10.000	6.334.911	
453	Đặng Thị Phương Thảo	Khoa Y học Cổ truyền	4.998.110				0		3.000.000		10.000	1.988.110	
454	Ninh Thị Hường	Khoa Y học Cổ truyền	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
455	Tô Thị Thu Trang	Khoa Y học Cổ truyền	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
456	Chu Thị Hương	Khoa Y học Cổ truyền	6.008.210				0		0		10.000	5.998.210	
457	Mai Thị Hoa	Khoa Y học Cổ truyền	6.891.105				0		0		10.000	6.881.105	
458	Bùi Thu Hà	Khoa Y học Cổ truyền	9.190.025				1.111.110		0		10.000	10.291.135	
459	Vũ Xuân Phúc	Khoa Y học Cổ truyền	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
460	Dương Hồng Chuyên	Khoa Y học Cổ truyền	6.126.055				0		0		10.000	6.116.055	
461	Nguyễn Thị Thanh Phương	Khoa Y học Cổ truyền	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	
462	Đỗ Thị Đẹp	Khoa Da liễu	11.080.680				0		0		10.000	11.070.680	
463	Nguyễn Thị Tám	Khoa Da liễu	7.520.110				0		0		10.000	7.510.110	
464	Mai Hồng Sinh	Khoa Da liễu	7.882.810				0		0		10.000	7.872.810	
465	Hoàng Thị Giám	Khoa Da liễu	8.250.301				0		0		10.000	8.240.301	
466	Nguyễn Thị Tiếp	Khoa Da liễu	5.706.610				0		0		10.000	5.696.610	
467	Đàm Như Hoa	Khoa Da liễu	7.520.110				0		0		10.000	7.510.110	
468	Lê Thuý Liên	Khoa Da liễu	8.922.615		660.000	397.800	0		0		10.000	9.970.415	
469	Trần Vũ Giang	Khoa Da liễu	4.763.590				0		0		10.000	4.753.590	
470	Nguyễn Thị Tuyết	Khoa Da liễu	7.157.410				0		0		10.000	7.147.410	
471	Triệu Ngọc Thúy	Khoa Da liễu	0				0		0		0	0	
472	Nguyễn Bá Giang	Khoa Tâm thần	10.557.365				0		0		10.000	10.547.365	
473	Hoàng Thị Lê	Khoa Tâm thần	8.297.250		345.000	374.400	0		3.000.000		10.000	6.006.650	
474	Lý Thị Bình	Khoa Tâm thần	9.962.141				0		0		10.000	9.952.141	
475	Nguyễn Thị Xứng	Khoa Tâm thần	8.306.805				0		0		10.000	8.296.805	
476	Vũ Thị Tiu	Khoa Tâm thần	10.382.931				0		0		10.000	10.372.931	
477	Nguyễn Thị Huyền	Khoa Tâm thần	6.604.910				0		0		10.000	6.594.910	
478	Chu Thành Vĩnh	Khoa Tâm thần	9.997.520				0		0		10.000	9.987.520	
479	Lương Thị Phương Thảo	Khoa Tâm thần	6.140.810				0		0		10.000	6.130.810	
480	Trần Kim Oanh	Khoa Tâm thần	7.260.500				0		0		10.000	7.250.500	
481	Mai Đức An	Khoa Truyền nhiễm	9.665.760				0		0		10.000	9.655.760	
482	Đỗ Văn Nghĩa	Khoa Truyền nhiễm	9.960.665				0		0		10.000	9.950.665	
483	Cao Thị Thoa	Khoa Truyền nhiễm	9.718.891				0		0		10.000	9.708.891	
484	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Truyền nhiễm	9.039.784				0		0		10.000	9.029.784	
485	Lưu Thị Thảo	Khoa Truyền nhiễm	10.214.588				85.404		6.000.000		10.000	4.289.992	
486	Hoàng Văn Huân	Khoa Truyền nhiễm	7.799.610				0		0		10.000	7.789.610	
487	Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa Truyền nhiễm	6.209.710				0		0		10.000	6.199.710	
488	Nguyễn Thị Bích Hằng	Khoa Truyền nhiễm	7.375.810				388.701		0		10.000	7.754.511	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chế nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
489	Hoàng Thị Hương	Khoa Truyền nhiễm	2.722.590				0		2.500.000		10.000	212.590	
490	Nguyễn Đức Huân	Khoa Truyền nhiễm	8.153.210				0		0		10.000	8.143.210	
491	Nguyễn Thị Kim Vân	Khoa Truyền nhiễm	6.229.145				0		0		10.000	6.219.145	
492	Nguyễn Thị Nhung	Khoa Truyền nhiễm	5.587.790				0		0		10.000	5.577.790	
493	Trần Thị Lý	Khoa Truyền nhiễm	6.209.710				0		0		10.000	6.199.710	
494	Nguyễn Thùy Ninh	Khoa Truyền nhiễm	8.483.605		1.200.000	702.000	0		0		10.000	10.375.605	
495	Nguyễn Văn Diệp	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	7.136.155				0		0		10.000	7.126.155	
496	Bùi Thị Mai	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.681.610				0		0		10.000	6.671.610	
497	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.631.105				0		2.000.000		10.000	4.621.105	
498	Nguyễn Thị Giang	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.588.075				0		0		10.000	6.578.075	
499	Nguyễn Thị Bình Lê	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.228.105				0		0		10.000	6.218.105	
500	Đỗ Thị Minh Nguyệt	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	0				0		0		0	0	
501	Nông Thị Hoạt	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	4.466.865				0		0		10.000	4.456.865	
502	Lê Thị Quỳnh	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.891.105				0		3.000.000		10.000	3.881.105	
503	Hoàng Thị Đua	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	4.769.895				0		0		10.000	4.759.895	
504	Hứa Thị Giang	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	5.258.110				673.400		0		10.000	5.921.510	
505	Hoàng Thị Tuyết	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	5.856.695		1.329.000		0		0		10.000	7.175.695	
506	Hoàng Thị Ly	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	4.324.710				0		0		10.000	4.314.710	
507	Là Thị Nhanh	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	4.584.710				0		0		10.000	4.574.710	
508	Hoàng Khắc Tinh	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	7.340.030				0		0		10.000	7.330.030	
509	Mai Thị Huyền	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.631.105				0		0		10.000	6.621.105	
510	Hoàng Thị Nghệ	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	6.329.765				0		0	2.016.500	10.000	4.303.265	
511	Nguyễn Giang Hải	Khoa Lão khoa	11.357.060				0		0		10.000	11.347.060	
512	Hoàng Kim Anh	Khoa Lão khoa	5.671.510				0		0		10.000	5.661.510	
513	Đỗ Minh Chiến	Khoa Lão khoa	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
514	Dương Thị Huệ	Khoa Lão khoa	4.998.110				0		0		10.000	4.988.110	
515	Nghiêm Thị Thúy	Khoa Lão khoa	0				0		0		0	0	
516	Trần Thị Lan	Khoa Lão khoa	7.018.310				0		0		10.000	7.008.310	
517	Nguyễn Văn Tước	Khoa Lão khoa	4.661.410				0		0		10.000	4.651.410	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
518	Hoàng Thị Thanh Tâm	Khoa Lão khoa	0				0		0		0	0	
519	Cam Thị Huệ	Khoa Lão khoa	6.412.250		1.500.000	1.029.600	0		0		10.000	8.931.850	
520	Nguyễn Chí Đệ	Khoa Lão khoa	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
521	Nguyễn Thị Hạnh	Khoa Lão khoa	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
522	Phạm Thúy Nga	Khoa Lão khoa	6.681.610				0		0		10.000	6.671.610	
523	Đặng Anh Văn Lâm	Khoa Lão khoa	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
524	Bùi Thanh Lâm	Khoa A10	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
525	Nguyễn Bích Phương	Khoa Tai Mũi Họng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
526	Trần Thanh Mai	Khoa Xét nghiệm	4.589.390				0		0		10.000	4.579.390	
527	Đinh Phương Lan	Khoa Giải phẫu bệnh	5.761.990				0		0		10.000	5.751.990	
528	Nguyễn Hồng Quân	Khoa Sản	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
529	Nguyễn Thị Thùy	Khoa Sản	2.722.590				0		0		10.000	2.712.590	
530	Trần Văn Dương	Khoa Ung bướu	3.911.390				0		0		10.000	3.901.390	
531	Hán Xuân Trường	Khoa Chấn thương - Chỉnh hình	4.459.390				0		3.000.000		10.000	1.449.390	
532	Vũ Trọng Bình	Khoa Cấp cứu	5.067.790				0		0		10.000	5.057.790	
533	Vì Minh Nguyệt	Khoa Phục hồi Chức năng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
534	Lê Thị Duyên	Khoa Phục hồi Chức năng	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
535	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Khoa Y học Cổ truyền	4.459.390				0		0		10.000	4.449.390	
536	Đặng Minh Tuấn	Phòng Tài chính kế toán	3.043.000				0		0		10.000	3.033.000	
537	Nguyễn Mạnh Hùng	Phòng Tài chính kế toán	3.043.000				0		0		10.000	3.033.000	
538	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Tài chính kế toán	3.043.000				0		0		10.000	3.033.000	
539	Nguyễn Quốc Khánh	Phòng Hành chính quản trị	3.043.000				0		0		10.000	3.033.000	
540	Đỗ Mạnh Hùng	Phòng Hành chính quản trị	2.685.000				0		0			2.685.000	
541	Hồ Đình Dân	Phòng Hành chính quản trị	2.685.000				0		0			2.685.000	
542	Trần Tiến Tuấn	Phòng Hành chính quản trị	2.685.000				0		0			2.685.000	
543	Vàng Duy Hưng	Phòng Hành chính quản trị	2.685.000				0		0			2.685.000	
544	Nguyễn Văn Ôn	Phòng Hành chính quản trị	2.685.000				0		0			2.685.000	
545	Vì Trọng Quân	Phòng Hành chính quản trị	2.685.000				0		0			2.685.000	
546	Lê Báo	Phòng Hành chính quản trị	3.000.000				0		0			3.000.000	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
547	Nguyễn Khâm Minh	Phòng Hành chính quản trị	3.000.000				0		0			3.000.000	
548	Nguyễn Văn Chiến	Phòng Hành chính quản trị	3.000.000				0		0			3.000.000	
549	Vũ Văn Cần	Phòng Hành chính quản trị	3.000.000				0		0			3.000.000	
550	Chu Tiến Thịnh	Phòng Hành chính quản trị	3.000.000				0		0			3.000.000	
551	Lê Thanh Long	Phòng Hành chính quản trị	3.000.000				0		0			3.000.000	
552	Nguyễn Thế Lực	Phòng CNTT và Truyền Thông	3.043.000				0		0		10.000	3.033.000	
553	Phùng Phương Nam	Phòng CNTT và Truyền Thông	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
554	Bùi Thị Cẩm Vân	Phòng Tổ chức cán bộ	3.043.000				0		0		10.000	3.033.000	
555	Thái Thanh Xuân	Phòng Vật tư - TBYT	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
556	Nguyễn Thị Dương Liễu	Khoa Khám bệnh TYC	2.685.000				0		0		10.000	2.675.000	
557	Nguyễn Thành Sơn	Khoa Dược	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
558	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Khoa Dược	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
559	Phan Thị Hồng	Khoa A10	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
560	Đặng Hữu Trinh	Khoa Tai mũi họng	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
561	Nguyễn Thị Phương	Khoa Tai mũi họng	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
562	Sầm Thị Tươi	Khoa Tai mũi họng	2.685.000				0		0		10.000	2.675.000	
563	Vũ Tuấn Anh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
564	Lê Hữu Tú	Khoa Xét nghiệm	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
565	Bùi Minh Tú	Khoa Xét nghiệm	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
566	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Xét nghiệm	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
567	Bùi Thị Xuyên	Khoa Vi sinh	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
568	Nguyễn Thị Dư	Khoa Nhi	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
569	Trần Công Tuấn	Khoa Nhi	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
570	Vương Thị Chanh	Khoa Nhi	2.685.000				0		0		10.000	2.675.000	
571	Nông Thị Bích	Khoa Nhi	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
572	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Nội tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
573	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Nội tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
574	Vũ Thị Thúy	Khoa Nội tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
575	Xuân Thu Hằng	Khoa Nội tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	

Mã	Tên đơn vị hưởng	Bộ phận	Tiền lương, tiền công T.12/2017	Tiền khoán chè nước quý I/2018	Tiền khoán VPP quý I/2018	Tiền khoán GVS quý I/2018	Truy lĩnh nâng lương quý IV/2017	Hoàn lại tiền do chuyển nhằm vào tài khoản đơn vị	Tiền vay Ngân hàng nông nghiệp	Tiền thi hành án	Tiền viếng đám hiếu	Số tiền trả vào thẻ ATM	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+5+6-7-8-9	
576	Nguyễn Hoàng Linh	Khoa Nội tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
577	Nguyễn Thị Nhẫn	Khoa Tim mạch - Nội tiết	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
578	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Tim mạch - Nội tiết	-				0		0		0	0	
579	Doãn Thúy Hạnh	Khoa Ngoại Tổng hợp	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
580	Hoàng Thị Thu Hiền	Khoa Ngoại Tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
581	Nguyễn Văn Hoàn	Khoa Ngoại Tổng hợp	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
582	Nguyễn Đức Dim	Khoa Chấn thương - Chính hình	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
583	Nguyễn Thành Long	Khoa Chấn thương - Chính hình	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
584	Nguyễn Thị Năm	Khoa Chấn thương - Chính hình	2.685.000				0		0		10.000	2.675.000	
585	Ngô Bảo Chung	Khoa HSTC & Chống độc	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
586	Phạm Thị Huế	Khoa HSTC & Chống độc	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
587	Trần Tiến Cương	Khoa HSTC & Chống độc	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
588	Bùi Thị Viêt	Khoa Phục hồi chức năng	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
589	Nguyễn Thị Thương	Khoa Truyền nhiễm	2.864.000				0		0		10.000	2.854.000	
590	Hoàng Ngọc Dương	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
591	Ma Văn Huy	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	2.774.500				0		0		10.000	2.764.500	
592	Vương Thị Tươi	Khoa Lão khoa	2.685.000				0		0		10.000	2.675.000	
593	Nguyễn Mạnh Trường	Phòng Hành chính quản trị	3.580.000				0		0			3.580.000	
594	Lê Văn Nghĩa	Phòng Hành chính quản trị	4.000.000				0		0			4.000.000	
	CỘNG		3.281.084.605	2.100.000	64.506.000	20.432.850	8.005.082	2.000.000	210.823.000	2.016.500	5.660.000	3.159.629.037	

Ghi chú: Tiền viếng đám hiếu: 5.660.000đ đổ vào tài khoản đồng chí Đào Thị Cẩm Lê
Tổng số tiền bằng chữ: Ba tỷ một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn không trăm ba mươi bảy đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 4 tháng 1 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Đỗ Thị Kim Thanh